TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **49**/2021/HNGĐ – ST
Ngày 18/9/2021
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thuận và Huỳnh Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều.

Ngày 18 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2021/TLST – HNGĐ, ngày 24/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị H, sinh ngày 02/02/1982;

Nơi cư trú: thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh ngày 05/9/1981;

Nơi cư trú: thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Đinh Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Văn K có tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi số 06/2008, quyển số 01, ngày 04 tháng 9 năm 2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống từ năm 2008 đến tháng 8/2020, trong thời gian chung sống vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh Nguyễn Văn K thường xuyên nghi ngờ chị có mối quan hệ bất chính với người khác. Chị H đã giải thích và chứng minh chỉ là quan hệ xã hội trong sáng. Vợ chồng đã nói rõ ràng về mọi chuyện, nhưng anh K vẫn không tin tưởng chị, quan điểm trong cuộc sống của vợ chồng không có sự đồng thuận, không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn ngày càng kéo dài, không thể hàn gắn được. Chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Nay Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống của vợ chồng luôn là nỗi ám ảnh cho chị và các con. Để ổn định về tinh thần, các con không ảnh hưởng đến tâm lý nên chị yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Nguyễn Duy N, sinh ngày 29/3/2009 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/6/2013, cả 02 con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung nhưng vì điều kiện kinh tế của chị khó khăn, thu nhập thấp nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục một con chung là M, còn giao cháu Ngân cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, chị đã hỏi nguyện vọng của các con thì cháu N và M đều không muốn ở chung với anh K và sợ anh K. Do đó, trường hợp theo nguyện vọng của các con được sống chung với chị thì chị đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung nhưng anh K phải cấp dưỡng cho chị để đảm bảo nuôi con.

Tại phiên tòa, Chị H xác định chi phí nuôi 02 con hàng tháng cho việc học thêm gồm: cháu N học thêm 04 môn chi phí 2.000.000đồng và cháu M học thêm chi phí 900.000đồng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp chị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung thì chị yêu cầu Anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 4.000.000đ/2 con cho đến khi cả 2 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất nhưng trong thời gian giải quyết vụ án chị không hoàn tất kịp thủ tục pháp lý về quyền tài sản chung để giải quyết trong vụ án này nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không thỏa thuận được thì chị khởi kiện vụ án dân sự khác.

Về nghĩa vụ về tài sản với người thứ ba: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghề nghiệp và thu nhập: Chị H làm nhân viên Văn phòng Đảng ủy xã Bình Hòa, thu nhập 2.000.000 đồng/tháng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2021, Biên bản hòa giải ngày 11/9/2021 và tại phiên tòa, bị đơn Anh Nguyễn Văn K trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về quá trình tìm hiểu, tổ chức lễ cưới,

đăng ký kết hôn như lời trình bày của Chị Đinh Thị H ở trên là đúng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống từ năm 2008 đến tháng 9/2020. Trong thời gian sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vì Chị H thường đi chơi, uống café, ăn uống với người đàn ông khác. Anh nghe mọi người phản ánh lại nên nghi ngờ Chị H không chung thủy. Anh khuyên bảo thì Chị H không nghe dẫn đến vợ chồng cãi vã. Từ tháng 10/2020 đến nay, Chị H tự ý lấy một số đồ dùng, vật dụng trong gia đình mang về nhà cha, mẹ đẻ sinh sống. Trường hợp Chị H cương quyết ly hôn thì anh đồng ý. Nếu vợ chồng đoàn tụ thì Chị H phải về xin lỗi phía gia đình anh và hứa không ăn chơi nữa thì anh chấp nhận đoàn tụ, nếu không xin lỗi thì anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như Chị H trình bày là đúng, cả 02 con đang ở cùng chị H. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 trong 02 con chung (con nào cũng được). Nếu Chị H không đủ điều kiện nuôi con thì anh đồng ý trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh K nêu quan điểm: Trường hợp theo nguyện vọng của các con và Chị H được Tòa án giao quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung thì anh đồng ý cấp dưỡng cho 01 con chung là Nguyễn Duy N, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 2.000.000đồng; đối với con chung Nguyễn Trà M thì Chị H có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng nên anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với nhà, đất vợ chồng đang ở là của cha, mẹ anh cho vợ chồng ở chưa sang tên, nếu Chị H tranh chấp tài sản chung thì anh và cha, mẹ anh sẽ trình bày sau.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh K xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về công việc, thu nhập của anh: Anh làm nghề thợ xây, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Về điều kiện chỗ ở sau ly hôn: Sau khi ly hôn, anh tiếp tục ở ngôi nhà mà cha, mẹ anh cho vợ chồng ở.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại Điều 28, 68, 195, 196, 207, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia

đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Chị Đinh Thị H được ly hôn Anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 29/3/2009 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/6/2013 cho Chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu M, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Không có, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị H và Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[1.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị H và Anh Nguyễn Văn K có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự, tài liệu, chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Chị H và anh K là do anh, chị bất đồng quan điểm, anh K không tin tưởng chị H, mâu thuẫn giữa anh, chị đã kéo dài, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Chị H và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho Chị Đinh Thị H ly hôn với Anh Nguyễn Văn K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[1.2] *Về nuôi con chung:* Chị Đinh Thị H và Anh Nguyễn Văn K có 02 con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 29/3/2009 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/6/2013; cả 02 con chung đang sống với chị Hiếu.

Hội đồng xét xử xem xét điều kiện trực tiếp nuôi con chung của Chị Đinh Thị H và Anh Nguyễn Văn K:

Đối với chị H: Mặc dù, có công việc ổn định, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế trực tiếp nuôi 02 con có khó khăn. Tuy nhiên, trong thời gian gần 01 năm qua, Chị H và anh K không sống chung thì các con chung đều do Chị H trực tiếp nuôi dưỡng và đều phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, Chị H làm công

việc bán chuyên trách (làm một buổi) tại Đảng ủy xã B nên có nhiều thời gian chăm sóc con chung hơn anh K.

Đối với anh K: Công việc làm thợ hồ, thường xuyên đi làm từ sáng đến chiều tối. Hơn nữa, trong thời gian vợ chồng không sống chung và Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung nhưng anh Kthiếu trách nhiệm với các con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đưa đón con đi học… và cũng không chu cấp tiền cho Chị H lo cho các con chung. Tại phiên tòa, anh K thừa nhận trong thời gian vợ chồng không sống chung, anh không đưa tiền cho Chị H lo cho con chung và anh cũng không biết chi phí học tập, sinh hoạt, ăn uống hàng tháng của các con chung bao nhiêu. Ngoài ra, anh K thừa nhận thu nhập hàng tháng của anh, mặc dù không đưa cho Chị H nhưng anh tích lũy và giữ để lo cho con sau này, khoản tiền anh đã tích lũy được khoảng 50.000.000đồng.

Qua làm việc với cháu Nguyễn Duy N và Nguyễn Trà M thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với Chị Đinh Thị H; các cháu đều cho rằng anh K thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Kcó hành vi bạo lực với cháu Nguyễn Duy N, khi cháu M bị ốm nằm viện thì anh K không quan tâm, chăm sóc và nuôi dưỡng. Xét thấy, anh K thiếu sự quan tâm, chăm sóc và không có trách nhiệm với con chung, xét nguyện vọng của cháu N và M, Hội đồng xét xử cần giao cháu Nguyễn Duy N và Nguyễn Trà M cho Chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn nhằm đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện về mọi mặt của các con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Yêu cầu về việc nuôi con chung của anh K trái với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

[1.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì "*cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*", xét thấy mức thu nhập của Chị H không đảm bảo để nuôi con nên anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng mà Chị H yêu cầu là cao so với khả năng thu nhập thực tế của anh K. Trên cơ sở xem xét các khoản chi phí cố định cho việc học tập, sinh hoạt, ăn uống hàng tháng cho 02 con chung như Chị H trình bày. Để đảm bảo cho Chị H có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần

yêu cầu về mức cấp dưỡng của chị H, buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho mỗi con chung là: 2.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 110, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ ngày 18/9/2021 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

[1.4] *Về tài sản chung:* Chị H và anh K chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[1.5] Về *nghĩa vụ tài sản chung:* Chị H và anh K xác định không có nghĩa vụ tài sản chung, không xem xét giải quyết.

[1.6] *Về án phí:* Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc:

Chị Đinh Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con số tiền là: 300.000đồng.

[1.7] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị H được ly hôn với Anh Nguyễn Văn K.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 29/3/2009 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/6/2013 cho Chị Đinh Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

2.2. *Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là: Nguyễn Duy N và Nguyễn Trà M, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho mỗi con là: 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)*, tổng cộng phải cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi tháng số tiền: 4.000.000đồng *(Bốn triệu đồng)*; thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 18/9/2021 cho đến khi cháu N và cháu M đủ 18 tuổi.

2.4. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015*.

3. *Về tài sản chung*: Chị Đinh Thị H và Anh Nguyễn Văn K chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Đinh Thị H và Anh Nguyễn Văn K xác định không có, không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*:

Chị Đinh Thị H có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số AA/2018/0003790, ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng).*

6. *Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

7. Chị Đinh Thị H và Anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi*;*
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Hòa,
huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Toại